

Số: /BC - UBND

Hoài Nhơn, ngày tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022**

Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII, kỳ họp thứ 3 về dự toán ngân sách địa phương năm 2022, UBND thị xã Hoài Nhơn đã ban hành Quyết định số 18002/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2022. Theo đó:

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 là: 1.061.840.000 đồng

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là: 1.061.040.000 đồng

UBND thị xã báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Quý I năm 2022 theo chi tiết tại Phụ lục 01, 02, 03 đính kèm.

I/ Về thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã quý I/2022 là 422.837 triệu đồng, đạt 40% dự toán thị xã giao và bằng 169% so với số thu cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 50.505 triệu đồng, đạt 33% so dự toán và bằng 122% so cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân: 12.659 triệu đồng, đạt 50% so dự toán và bằng 143% so cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ: 8.806 triệu đồng, đạt 40% so dự toán và bằng 127% so cùng kỳ.

- Thu phí, lệ phí: 5.398 triệu đồng, đạt 79% so dự toán và bằng 111% so cùng kỳ.

- Các khoản thu về nhà, đất (bao gồm: thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thu tiền sử dụng đất; Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước): 150.772 triệu đồng, đạt 35% so dự toán và bằng 473% so cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: 3.828 triệu đồng, đạt 38% so dự toán và bằng 70% so cùng kỳ.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác: 1.229 triệu đồng, đạt 32% so dự toán và bằng 467% so cùng kỳ.

Nhìn chung, các chỉ tiêu giao thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn thị xã Quý I năm 2022 đều đạt và vượt tiến độ thu so với dự toán thị xã giao. Riêng 02 chỉ tiêu thu đạt thấp, chưa đảm bảo tiến độ so dự toán giao, cụ thể là: thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đạt 3% so dự toán) và thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (đạt 9% so dự toán).

II/ Về chi ngân sách thị xã

- Tổng chi ngân sách thị xã quý I năm 2022 là: 264.733 triệu đồng, đạt 25% so dự toán và bằng 115% so cùng kỳ. Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển : 104.194 triệu đồng, đạt 24%.

+ Chi thường xuyên : 159.827 triệu đồng, đạt 27%.

- Chi đầu tư phát triển đạt 24% so dự toán là trong 3 tháng đầu năm 2022 thị xã chủ yếu tập trung thanh toán trả nợ các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Hiện tại, UBND thị xã đã chỉ đạo các đơn vị đại diện chủ đầu tư, chủ đầu tư trên địa bàn thị xã đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục để giải ngân vốn đầu tư công theo tiến độ đề ra.

- Chi thường xuyên quý I năm 2022 đạt 27% so dự toán. Chi thường xuyên 3 tháng đầu năm chủ yếu là chi lương, chi các chế độ chính sách và một số nội dung chi an sinh xã hội đã được thị xã cân đối từ đầu năm và một số nguồn thu bổ sung có mục tiêu của tỉnh như: Kinh phí quà tết cho gia đình chính sách; Kinh phí tặng quà cho hộ nghèo dịp Tết nguyên đán; Kinh phí thực hiện cấp bù thủy lợi phí,...

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách quý I năm 2022 trên địa bàn thị xã được điều hành hợp lý, bám sát dự toán đầu năm nhất là chi thường xuyên; giải quyết kịp thời kinh phí Chương trình mục tiêu, bảo đảm chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí, phát huy tính chủ động của các đơn vị dự toán trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là thuyết minh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn trong quý I năm 2022, UBND thị xã Hoài Nhơn báo cáo công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chung

PHỤ LỤC 01: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2022 của UBND thị xã)**ĐVT: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.061.040	417.532	39	172
I	Thu cân đối NSNN	650.610	228.379	35	238
1	Thu nội địa	650.610	228.379	35	238
2	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	408.334	104.453	26	122
III	Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm	-	-		-
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.096	84.128		143
V	Thu huy động, đóng góp	-	373		28
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	-	199		29
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	1.061.040	264.733	25	115
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	1.061.040	264.733	25	143
1	Chi đầu tư phát triển	438.440	104.194	24	113
2	Chi thường xuyên	602.085	159.827	27	171
3	Dự phòng ngân sách	20.515	712	3	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-	-		

PHỤ LỤC 02: THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2022 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.061.840	422.837	40	169
I	Thu nội địa	651.410	233.684	36	227
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	151.900	50.505	33	122
4	Thuế thu nhập cá nhân	25.200	12.659	50	143
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	22.000	8.806	40	127
7	Thu phí, lệ phí	6.810	5.398	79	111
8	Các khoản thu về nhà, đất	431.700	150.772	35	473
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1.000	33	3	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	425.000	150.213	35	473
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	5.700	526	9	774
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	10.000	3.828	38	70
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.800	1.229	32	467
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		487		19
II	Thu viện trợ				
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	408.334	104.453	26	122
III	Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.096	84.128		143

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
V	Thu huy động, đóng góp		373		28
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		199		29
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.061.040	417.532	39	172
I	Thu cân đối ngân sách	650.610	228.379	35	238
1	Từ các khoản thu phân chia	175.927	64.540	37	167
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	474.683	163.839	35	287
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	408.334	104.453	26	122
III	Thu tạo nguồn thực hiện CCTL tăng thêm	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.096	84.128		143
V	Thu huy động, đóng góp		373		28
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		199		29

PHỤ LỤC 03: CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2022 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	1.061.040	264.733	25	115
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	1.061.040	264.733	25	143
I	Chi đầu tư phát triển	438.440	104.194	24	113
1	Chi đầu tư cho các dự án	438.440	104.194	24	113
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	602.085	159.827	27	171
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	336.180	70.130	21	124
2	Chi khoa học và công nghệ	280		0	
3	Chi văn hóa thông tin thể thao	7.351	1.289	18	102
4	Chi sự nghiệp truyền thanh cấp xã	711	102	14	55
5	Chi bảo vệ môi trường	1.562	28	2	67
6	Chi hoạt động kinh tế	63.571	8.813	14	328
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	97.985	26.314	27	105
8	Chi bảo đảm xã hội	70.379	44.230	63	2.444
III	Dự phòng ngân sách	20.515	712	3	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		0
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				0